

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 000

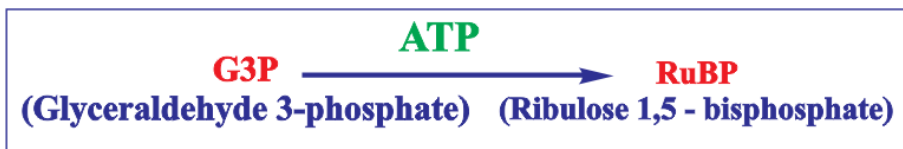
TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7.0 điểm)

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4.0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16 mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1. Trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, để tăng nguồn nitrogen cho cây con người thường **không** áp dụng biện pháp nào sau đây?

- A. Bón supe lân, apatit. B. Trồng cây họ đậu.
C. Bón phân urea, đạm sulfate. D. Bón phân hữu cơ.

Câu 2. Đây là một giai đoạn của chu trình Calvin, giai đoạn này được gọi là gì?



- A. Giai đoạn tạo ra sản phẩm. B. Giai đoạn khử.
C. Giai đoạn tái tạo chất nhận. D. Giai đoạn cố định CO₂.

Câu 3. Giai đoạn thu được nhiều ATP nhất trong hô hấp tế bào là gì?

- A. Đường phân. B. Chu trình Krebs.
C. Hoạt hóa glucose. D. Chuỗi truyền electron.

Câu 4. Kiểu ăn lọc thường gặp ở đối tượng nào sau đây?

- A. Trâu. B. Thần lân. C. Trai sông. D. Muỗi.

Câu 5. Hình thức trao đổi khí của giun đất là gì?

C. Trao đổi khí qua hệ thống ống khí. D. Trao đổi khí qua mang.

- A. Trao đổi khí qua bề mặt cơ thể. B. Trao đổi khí qua phổi.

Câu 6. Bộ phận nào sau đây giữ chức năng điều khiển hoạt động điều hoà tim mạch?

- A. Tim. B. Mạch máu. C. Hành não. D. Tuyến trên thận.

Câu 7. Trong chu kì tim, khi tâm thất co diễn biến nào sau đây xảy ra?

- A. Đẩy máu từ tâm nhĩ xuống tâm thất.
B. Nhận máu từ tĩnh mạch chủ và tĩnh mạch phổi về tim.
C. Đẩy máu từ tâm thất vào động mạch chủ và động mạch phổi.
D. Hút máu từ tâm nhĩ xuống tâm thất.

Câu 8. Yếu tố gây bệnh nào dưới đây thuộc nhóm tác nhân vật lí?

- A. Virus HIV. B. Tia tử ngoại. C. Dioxin. D. Vi khuẩn.

Câu 9. Nếu mầm bệnh qua không khí và giọt bắn xâm nhập vào cơ thể thì hàng rào bảo vệ đầu tiên của hệ miễn dịch tiêu diệt mầm bệnh như thế nào?

- A. Hệ hô hấp tiết ra enzyme lysozyme, enzyme pepsin tiêu diệt vi khuẩn, virus, nấm....
B. Lớp dịch nhầy trong khí quản, phế quản giữ bụi và mầm bệnh, sau đó các lông nhỏ đẩy dịch nhầy lên hầu, vào thực quản và dạ dày.
C. pH trong khí quản và phế quản thấp, ức chế mầm bệnh phát triển và mầm bệnh theo dòng dịch đẩy ra ngoài.
D. Lớp sừng và lớp biểu bì chết trong khoang mũi ép chặt với nhau ngăn chặn mầm bệnh xâm nhập.

Câu 10. Biện pháp nào dưới đây có thể chủ động tạo ra đáp ứng miễn dịch ở người?

- A. Uống thuốc kháng sinh.
B. Tiêm vaccine.
C. Ăn uống hợp vệ sinh.
D. Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao.

Câu 11. Quá trình loại bỏ ra khỏi cơ thể các thải chất dư thừa, chất độc sinh ra do quá trình trao đổi chất của các tế bào mô, cơ quan trong cơ thể được gọi là gì?

- A. Bài tiết. B. Cân bằng nội môi.
C. Miễn dịch. D. Điều hòa hoạt động.

Câu 12. Ở người cơ quan nào dưới đây **không** tham gia điều hòa cân bằng nội môi?

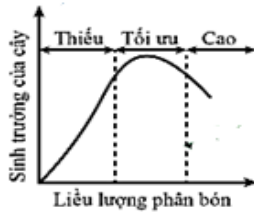
A. Thận.

B. Gan.

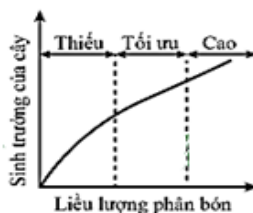
C. Phổi.

D. Tóc.

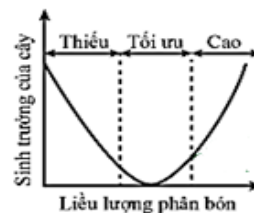
Câu 13. Đồ thị nào dưới đây biểu diễn chính xác mối tương quan giữa liều lượng phân bón và mức độ sinh trưởng của cây?



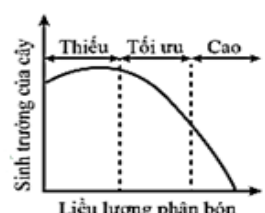
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình III.

B. Hình I.

C. Hình II.

D. Hình IV.

Câu 14. Để tìm hiểu quá trình quang hợp ở thực vật, một nhóm học sinh đã bố trí thí nghiệm trong phòng thực hành như hình bên. Kết quả thí nghiệm là trong bình thủy tinh xuất hiện bọt khí.

Cho biết bọt khí được sinh ra từ cây rong mải chèo là chất nào sau đây?

A. Glucose.

B. O_2 .

C. H_2 .

D. N_2 .

Câu 15. Khi nói đến con đường lên men trong hô hấp ở thực vật, phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Diễn ra qua 3 giai đoạn là đường phân, lên men và chu trình Krebs.

B. Tạo ra ít năng lượng hơn so với con đường hô hấp hiếu khí.

C. Sản phẩm tạo ra phổ biến là ethanol hoặc lactate.

D. Thường xảy ra khi rễ bị ngập úng, hạt bị ngâm vào nước.

Câu 16. Bảng dưới đây mô tả cơ quan bài tiết chủ yếu và các sản phẩm bài tiết. Nội dung được ghép nối đúng là gì?

Cơ quan bài tiết	Sản phẩm bài tiết chính
Phổi	a. Bilirubin
Thận	b. Carbon dioxide
Da	c. Mô hôi
Hệ tiêu hóa.	d. Nước tiểu

A. 1a, 2b, 3c, 4d.

B. 1b, 2d, 3c, 4a.

C. 1c, 2b, 3d, 4a.

D. 1b, 2a, 3cd, 4c.

Phần II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai (2.0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2, mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Khi nói về tiêu hóa ở động vật có ống tiêu hóa các phát biểu dưới đây là Đúng hay Sai?

(A, D, E, K).... được hệ tuần hoàn vận chuyển đến hệ bài tiết.

a) Quá trình tiêu hóa và hấp thụ thức ăn diễn ra chủ yếu tại ruột non.

b) Enzyme pepsin và HCl trong dịch vị dạ dày phân giải protein trong thức ăn thành các amino acid.

c) Các chất dinh dưỡng được hấp thụ ở ruột non là amino acid, đường đơn, glycerol, cholesterol, vitamin

d) Các chất dinh dưỡng đơn giản được hấp thụ ở ruột non theo hai phương thức vận chuyển thụ động và vận chuyển chủ động.

Câu 2. Quan sát hình bên và cho biết mỗi phát biểu dưới đây khi nói về tuần hoàn máu là Đúng hay Sai?

a) Tim co dẫn tự động theo chu kì là do hoạt động của hệ dẫn truyền tim.

b) Hệ dẫn truyền tim ở người bao gồm các thành phần sau: Nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng lưới Purkinje.

c) Một bệnh nhân bị bệnh tim được lắp máy trợ tim có chức năng phát xung điện cho tim. Máy trợ tim này có chức năng tương tự cấu trúc nút nhĩ thất trong hệ dẫn truyền tim.

d) Một bệnh nhân bị “**hở van tim**” sẽ kèm theo những hậu quả rất nguy hiểm như tim tăng nhịp đập, làm giảm thời gian nghỉ dẫn đến suy tim.

Phần III. Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn (1.0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Cho các thông tin sau: Trái cây và các loại rau xanh có vai trò quan trọng đối với “Sức khỏe” của hệ tuần hoàn; thừa cân, béo phì làm tăng nguy cơ cao huyết áp và đái tháo đường; căng thẳng thần kinh kéo dài làm hạn chế lưu thông tuần hoàn; hút thuốc lá làm tăng nguy cơ xơ vữa động mạch, tăng huyết áp, nhồi máu cơ tim. Dựa vào các thông tin trên, để giúp cho cơ thể nói chung và hệ tuần hoàn nói riêng “khỏe mạnh”, có bao nhiêu biện pháp dưới đây đúng?

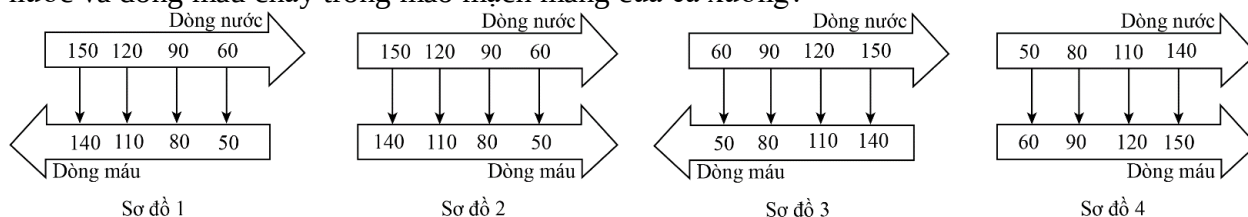
- (1) Tập thể dục thường xuyên và khoa học.
- (2) Giữ cho tâm trạng thoải mái và nói “không” với thuốc lá.
- (3) Giữ trọng lượng cơ thể ở mức độ phù hợp.
- (4) Sử dụng hợp lý trái cây và rau xanh trong khẩu phần ăn.

Câu 2. Nhân viên y tế nhà trường sau khi đo nhiệt độ cơ thể của bạn An thì ghi nhận thân nhiệt của bạn An là 39°C và cho bạn An uống thuốc hạ sốt gấp. Em hãy nghiên cứu những thông tin về hiện tượng “SỐT” và cho biết phát biểu dưới đây có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Sốt là tình trạng thân nhiệt cơ thể tăng lên và duy trì ở mức cao hơn thân nhiệt bình thường.
- (2) Khi bị sốt, đại thực bào tiết ra chất gây sốt kích thích trung khu điều hòa vùng dưới đồi tăng sinh nhiệt và gây sốt.
- (3) Khi sốt làm tăng hoạt động của tế bào thực bào và bạch cầu từ đó kích thích virus, vi khuẩn tăng sinh.
- (4) Khi Sốt trên 39°C lâu gây nguy hiểm cho cơ thể như co giật, hôn mê thậm chí tử vong.

Câu 3. Cho các loài động vật: mèo, rắn nước, lợn, chim bồ câu, ếch, gà và cá voi. Có bao nhiêu loài động vật trong phổi chứa phế nang?

Câu 4. Sơ đồ nào sau đây thể hiện trao đổi O_2 (thông qua sự chênh lệch phân áp khí O_2 (mmHg) giữa dòng nước và dòng máu chảy trong mao mạch mang của cá xương?



----- **HẾT** -----

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
000	A	C	D	C	A	C	C	B	B	B	A	D	B	B	A	B					
101	A	A	A	A	C	A	B	D	B	A	D	D	B	B	D	B					
102	B	C	C	A	A	D	A	A	C	A	D	B	C	A	C	D					
103	A	A	D	A	A	D	B	D	D	A	B	D	D	C	D	D					
104	B	A	A	C	B	B	B	B	A	B	B	A	B	B	A	B					
105	A	A	A	C	D	A	A	D	B	C	D	B	A	D	B	D					
106	D	B	B	A	C	C	B	C	A	B	D	B	D	B	C	D					
107	D	A	D	A	B	A	D	D	C	B	A	C	D	A	A	C					
108	D	B	D	B	C	C	B	A	D	D	D	A	D	A	B	B					

22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	1a	1b	1c	1d	2a
																			D	S	S	D	D
																			S	D	D	S	D
																			D	D	S	D	S
																			D	D	S	D	S
																			D	S	S	D	D
																			S	D	D	D	S
																			D	D	S	S	S
																			D	D	S	D	S
																			S	S	D	D	D

[illegible]

8b	8c	8d	1	2	3	4	5	6
			4	3.	5.	1.		
			4	3.	1.	5.		
			5.	4	1.	3.		
			4	5.	1.	3.		
			3.	5.	4	1.		
			1.	4	3.	5.		
			3.	5.	1.	4		
			1.	3.	5.	4		
			1.	4	3.	5.		

HƯỚNG DẪN CHẤM TỰ LUẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN SINH HỌC 11 (2024-2025)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ TỰ LUẬN
ĐỀ 101, 103, 105, 107

Câu 1.(1.5 đ) Hoàn thành nội dung dưới đây khi nói về điểm khác nhau trong pha tối ở thực vật C3 và thực vật C4

Điểm phân biệt	Thực vật C3	Thực vật C4
1.Chất nhận CO ₂ đầu tiên.	RuBP	PEP
2.Loại tế bào quang hợp.	Lục lạp tế bào mô dậu (thịt lá)	Lục lạp tế bào mô dậu và tế bào nhu mô bao bó mạch
3.Năng suất sinh học.	Trung bình(bằng ½ C4)	Cao

Mỗi ý đúng 0.25 đ

Câu 2. (1.5 điểm) Bảng sau đây thể hiện kết quả xét nghiệm chỉ số sinh lí, sinh hóa trong máu và đo huyết áp của người A. Kết quả xét nghiệm được thực hiện khi hai người này ở trạng thái nghỉ ngơi và đã nhịn ăn trong vòng 12 giờ. Dựa vào thông tin được cung cấp như trên, người A có khả năng bị những bệnh gì? Giải thích?

Chỉ số	Người A	Giá trị bình thường
Cholesterol toàn phần	6,9	3,9 - 5,2 mmol/L
Glucose	5,3	3,9 - 6,4 mmol/L
Calcium	1,5	2,2 - 2,5 mmol/L
Huyết áp (tối đa/tối thiểu)	96/65	Tối đa: 91 - 139 mmHg Tối thiểu: 61 - 89 mmHg

- Người A có khả năng bị các bệnh: các bệnh về tim mạch(đột quỵ, nhồi máu cơ tim, suy tim..), thiếu calcium. **(0.5 đ)**
- Giải thích:(1.0 đ) vì so sánh thông tin của người bình thường và người A cho thấy:
 - + Cholesterol cao hơn bình thường thúc đẩy quá trình xơ vữa động mạch gây nên các bệnh về tim mạch nguy hiểm.
 - + Calcium người A thấp hơn mức bình thường nên người A có khả năng bị thiếu Calcium.

(Mỗi ý đúng 0.5 đ)

Lưu ý: thí sinh trả lời phương án khác đáp án nếu đúng vẫn cho điểm tối đa

ĐỀ 102, 104, 106, 108

Câu 1.(1.5 đ) Hoàn thành nội dung dưới đây để phân biệt điểm khác nhau trong pha tối ở thực vật C3 và thực vật C4

Điểm phân biệt	Thực vật C3	Thực vật C4
1.Thời điểm diễn ra cố định CO2.	Ban ngày	Ban ngày
2.Sản phẩm cố định CO2 đầu tiên.	3-GPA	OAA
3.Điểm bù CO2.	Cao 30-70 ppm	Thấp 0-10 ppm

Mỗi ý đúng 0.25 đ

Câu 2 (1.5 điểm) Bảng sau đây thể hiện kết quả xét nghiệm chỉ số sinh lí, sinh hóa trong máu và đo huyết áp của người B. Kết quả xét nghiệm được thực hiện khi hai người này ở trạng thái nghỉ ngơi và đã nhịn ăn trong vòng 12 giờ. Dựa vào thông tin được cung cấp như trên, người B có khả năng bị những bệnh gì? Giải thích?

Chỉ số	Người B	Giá trị bình thường
Cholesterol toàn phần	4,5	3,9 - 5,2 mmol/L
Glucose	10,2	3,9 - 6,4 mmol/L
Calcium	2,4	2,2 - 2,5 mmol/L
Huyết áp (tối đa/tối thiểu)	143/87	Tối đa: 91 - 139 mmHg Tối thiểu: 61 - 89 mmHg

- Người B có nguy cơ bị bệnh tiểu đường, cao huyết áp (0.5 đ)
- Giải thích:(1.0 đ) so sánh thông tin của người bình thường với người B cho thấy:
 - + Nồng độ glucose trong máu của người B là 10,2 mmol/L cao hơn nhiều so với mức bình thường(3,9-6,4 mmol/L) nên người B bị tiểu đường.
 - + Huyết áp tối đa người B là 143/87 cao hơn mức bình thường (91-139 mmHg) nên người B bị huyết áp cao.

Lưu ý: thí sinh trả lời phương án khác đáp án nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.

.....**Hết**.....

